

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: **134/2019/DS-PT**
Ngày 17- 7- 2019
V/v tranh chấp “Hợp đồng
mua bán tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

Ông Cao Minh Lễ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Nguyễn Ngọc Bình- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ ý số: 119/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 241/2019/QĐ-SCBS ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã T ch, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 138/2019/QĐXX-PT ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1965 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số 194, ấp MB, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

2.2. Bà Đặng Thị Minh L, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Tổ 7, ấp Vĩnh T1 1, xã Lê Ch, thị xã T ch, tỉnh An Giang.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim O là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim O trình bày:

Bà là chủ cửa hàng mua bán vật tư nông nghiệp phân bón và thuốc trừ sâu, vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Đặng Thị Minh L đến mua các loại hàng hóa trên để về bán lại, hai bên mua bán nhưng không lập hợp đồng cụ thể

mà mỗi lần giao nhận hàng đều có ghi vào sổ theo dõi, giá cả theo từng thời điểm. Đến ngày 15/3/2018 ông H và bà L có ký vào biên nhận nợ còn nợ của bà O số tiền 266.248.000đ. Sau đó, ông H và bà L có trả lại số thuốc thừa cho bà O trị giá 8.015.000đ. Bà O yêu cầu ông H và bà L phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền 258.233.000đ và yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tính từ ngày 15/3/2018 cho đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/11/2018 bị đơn là bà Đặng Thị Minh L trình bày:

Vợ chồng bà L và ông H có mua vật tư nông nghiệp của bà O nhưng hai bên không lập Hợp đồng mua bán, hàng hóa do bà O giao gói đầu, bán được hàng đến mùa trả tiền nhưng do người dân bên ngoài mua hàng còn nợ lại vợ chồng bà quá nhiều nên vợ chồng bà mới nợ lại bà O. Bà L thừa nhận bà là người trực tiếp viết biên nhận nợ và ký tên trong Biên nhận nợ ngày 15/3/2018 với bà O. Bà L cho rằng vợ chồng bà chỉ nợ vốn của bà O số tiền 192.500.000đ, phần còn lại là lãi suất và bà L đề nghị bà O bỏ phần lãi suất nói trên. Riêng phần vốn 192.500.000đ bà L xin trả dần mỗi mùa vụ 2.000.000đ cho đến khi hết nợ vì hiện nay hoàn cảnh gia đình bà đang khó khăn, bà L cho rằng bà O có dùng áp lực và yêu cầu bà L cứ ký và trả nợ dần cho bà O. Bà L thừa nhận số nợ trên là của chung vợ chồng bà với ông H nợ bà O.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 241/2019/QĐ-SCBS ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã T ch, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim O

1. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Đặng Thị Minh L phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim O vốn và lãi cho đến nay là 210.549.000đ (hai trăm mười triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng chẵn).

2. Về án phí DSST: Ông Nguyễn Văn H với bà Đặng Thị Minh L phải chịu 10.527.000đ. Bà Nguyễn Thị Kim O phải chịu án phí do một phần yêu cầu không được chấp nhận là 3.287.000đ, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 6.456.000đ, hoàn lại cho bà O 3.169.000đ theo Biên lai thu số 0004761 ngày 02/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T ch.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16 tháng 4 năm 2019 bà Nguyễn Thị Kim O nộp Đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 04/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã T ch, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nói trên và chấp nhận yêu cầu của bà. Buộc ông H và bà L phải trả cho bà tiền vốn là 258.233.000đ và lãi suất kèm theo kể từ ngày 15/3/2018 đến nay theo mức lãi do pháp luật quy định.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim Oanh, đề xuất áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà O. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T ch, buộc bà L và ông H phải trả cho bà O số tiền vốn 258.233.000đ và lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 15/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 24.467.000đ, tổng cộng là 282.700.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim O kháng cáo trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của bà O theo trình tự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn H và bà Đặng Thị Minh L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim O giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã T ch, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà. Buộc ông H và bà L phải trả cho bà tiền vốn là 258.233.000đ và lãi suất tính từ ngày 15/3/2018 đến nay theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

[3] Xét kháng cáo của bà O, Hội đồng xét xử xét thấy bà O là chủ cửa hàng mua bán vật tư nông nghiệp phân bón, thuốc trừ sâu nên ông H và bà L có đến mua các loại hàng hóa trên để về bán lại nhưng không lập hợp đồng mua bán mà thỏa thuận với nhau bằng lời nói, mỗi lần giao nhận hàng đều có ghi sổ để theo dõi, giá cả thỏa thuận theo từng thời điểm. Đến ngày 15/3/2018 ông H và bà L ký Biên nhận nợ thừa nhận còn nợ bà O số tiền 266.248.000đ. Bà O cho rằng sau khi ký Biên nhận nợ thì ông H và bà L có trả cho bà O số phân thuốc còn thừa là 8.015.000đ nên bà O yêu cầu ông H, bà L trả số tiền 258.233.000đ. Bà L thừa nhận vợ chồng bà có ký Biên nhận nợ ngày 15/3/2018 nhưng hiện nay ông bà chỉ còn nợ bà O số tiền 192.500.000đ, phần còn lại là tiền lãi. Ngoài lời trình bày ra ông H, bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà O dùng áp lực để buộc ông H, bà L ký Biên nhận nợ ngày 15/3/2018 và hiện nay còn nợ số tiền 192.500.000đ. Căn cứ vào Biên nhận nợ ngày 15/3/2018 mà bà L thừa nhận do vợ chồng bà ký để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà O, buộc ông H và bà L trả cho bà O số tiền vốn 258.233.000đ là có căn cứ.

Về lãi suất, tại Biên nhận nợ ngày 15/3/2018 hai bên thỏa thuận ông H và bà L sẽ chịu lãi suất 2%/tháng là cao, do bà L và ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà O yêu cầu tính lãi từ ngày 15/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/4/2019) là 12 tháng 19 ngày là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà O yêu cầu được tính lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng là đã có lợi cho ông H, bà L nên ông H, bà L phải trả lãi đối với số tiền (258.233.000đ x 12 tháng 19 ngày x 0,75%/tháng) 24.467.000đ.

Như vậy, ông H và bà L cùng phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà O số tiền (vốn 258.233.000đ và lãi 24.467.000đ) 282.700.000đ.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà O. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã T ch như đã nhận định trên và ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bà O được chấp nhận nên bà O không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, bà O được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông H và bà L phải nộp 14.135.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 288, Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 và Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim O. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã T ch, tỉnh An Giang.

3. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Đặng Thị Minh L cùng phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kim O số tiền (vốn 258.233.000đ và lãi 24.467.000đ) 282.700.000đ (Hai trăm tám mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

4. Về án phí:

4.1. Bà Nguyễn Thị Kim O không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Bà O được nhận lại 6.756.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004761 ngày 02/8/2018 và số 0001886 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T ch.

4.2. Ông Nguyễn Văn H và bà Đặng Thị Minh L phải nộp 14.135.000đ (Mười bốn triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADSTX T ch;
- TAND TX.T ch
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Lễ Nguyễn Thị Minh Phượng

Trần Thị Thúy Hà

